

Duy thức học nguyên thủy và Duy thức học “Đạo giáo”

ISSN: 2734-9195 09:30 28/03/2025

“tàng” chỉ là giả danh, giúp chỉ định cho một tiến trình liên tục và vô ngã, chứ không phải một “nền tảng thực hữu”. Nó giống như khi nói về “dòng” sông. Thì cái “dòng” đó, ta không thấy được, ta chỉ thấy nước, còn cái dòng là cái giả danh.

Duy thức học, còn gọi là Duy thức tông hay Pháp tướng tông, là một nhánh quan trọng của Phật giáo Đại thừa, ra đời tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ IV-V. Tuy nhiên, khi truyền sang Trung Hoa và các quốc gia Đông Á, hệ thống này đã trải qua quá trình dịch thuật, phiên giải và diễn đạt bằng thuật ngữ Hán học, dẫn đến sự pha trộn giữa tinh thần gốc Ấn và màu sắc văn hóa triết học Trung Hoa.

Một trong những hiểu lầm thường thấy là xem Duy thức như một hệ thống siêu hình hoặc huyền học, trong khi thực chất, Duy thức nguyên thủy là một công trình tâm lý học và nhận thức học cực kỳ tinh vi, có thể xem là đỉnh cao của tư tưởng phân tích nội tâm trong lịch sử triết học Ấn Độ.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Phần I. Nguồn gốc và bản chất duy thức nguyên thủy

Duy thức học khởi nguồn từ các kinh điển như kinh Giải Thâm Mật (Saṃdhinirmocana Sūtra), kinh Duy ma cật, kinh Thắng Man và đặc biệt là hệ thống luận thư do hai huynh đệ Vô Trước (Asaṅga) và Thế Thân (Vasubandhu) trước tác như Du già sư địa luận (Yogācārabhūmi-sāstra), Tam thập tụng (Triṃśikā), Bách pháp minh môn luận, v.v.

Cốt lõi tư tưởng Duy thức nguyên thủy bao gồm:

Thuyết Tám thức: Phân tích hoạt động của tâm qua tám cấp độ nhận thức. Tiền ngũ thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Hai thức sau cùng là Mạt na thức và A - lại - da thức.

Thuyết Ba tự tính: Biến kế sở chấp, Y tha khởi và Viên thành thật.

Quan niệm về chủng tử: Thức A-lại-da lưu giữ các tiềm năng hình thành hiện tượng tâm thức. Tất cả được diễn đạt bằng hệ thống logic, tâm lý học, nhân quả học và ngôn ngữ học đặc thù của triết học Ấn Độ. Không hề mang tính siêu hình hay thần bí.

Phạm trù nhận thức

Thức - Tâm - Tướng - Tính trong Duy thức không có “bản thể bất động” như khái niệm Duy thức được truyền bá theo tông phái Duy thức tông do ngài Huyền Trang sáng lập. Tinh thần này mang tư tưởng “Đạo” hay “Thái cực” của Trung Hoa nhiều hơn.

Các hiện tượng tâm đều là dòng chảy năng động, không có thực thể cố định, mà chỉ có sự vận hành tương tục của các “tướng phần” và “kiến phần”. Như vậy, Duy thức không hướng đến việc tìm kiếm một “thực tại tối hậu” mang tính siêu hình, mà là phân tích chính xác cách thức tâm tạo ra thực tại như thế nào, làm sao vọng tưởng khởi lên, làm sao tuệ giác giải thoát được phát hiện.

Tổng quan lịch sử

Khoảng sau khi Phật diệt độ 700 - 800 năm, ngài “Vô Trước Đại sĩ” ra đời tại Trung Ấn Độ, tạo ra bộ “Nhiếp Đại Thừa Luận V” dùng nghĩa lý Duy Thức để xiển dương giáo pháp Đại thừa.

Em của ngài tên là Thế Thân, sau đó đã luận giải lại bộ viết của Ngài và sáng tác “Duy Thức Nhị Thập Tụng” cùng “Duy Thức Tam Thập Tụng V”,.... Từ đây Duy Thức học mới được đặc biệt lập riêng thành một tông.

Sau Ngài Thế Thân, có 10 vị Đại sư luận giải chi tiết bộ Duy Thức Tam Thập Tụng để hoàn thành bộ Duy Thức học giúp cho Duy Thức tông ngày càng hoàn thiện hơn.

Ngài Huyền Trang, một trong những bậc đại trí thức Phật giáo thời Đường, đã quyết chí vượt ngàn dặm sang Ấn Độ vào năm 627 để cầu học chính pháp, với khát nguyện tìm về cội nguồn giáo lý Đại thừa. Tại đại học Na-lan-đà, ngài thọ học trực tiếp với ngài Giới Hiền, một trong những luận sư hàng đầu của học phái Duy thức, tiếp nhận trọn vẹn tinh hoa của hệ thống tâm lý, nhận thức học này. Trong hơn mười bảy năm học tập và hành cước, ngài Huyền Trang đã sưu tầm, sao chép và mang về nước một kho tàng kinh luận đồ sộ, trong đó nổi bật là các trước tác của Vô Trước, Thế Thân và mười đại luận sư Duy thức Ấn Độ.

Sau khi trở về Trung Hoa, với trí tuệ sâu xa và khả năng phiên dịch, ngài đã hợp nhất các quan điểm dị biệt của các vị luận sư Ấn Độ, lấy thuyết của ngài Pháp Hộ làm nền tảng, biên soạn thành bộ Thành Duy Thức Luận gồm mười quyển, đặt nền móng cho sự hình thành Duy Thức Tông tại Trung Hoa. Dưới sự truyền thừa và phát huy của đệ tử Khuy Cơ, hệ thống Duy thức trở thành một tông phái độc lập, có luận lý vững vàng, giáo nghĩa chặt chẽ, được gọi là Pháp tướng tông, có ảnh hưởng sâu rộng trong giới học thuật và thiền quán đương thời. Nhờ công lao của ngài Huyền Trang, Duy thức học vốn là tinh túy của triết học Ấn Độ đã

được chuyển hóa và phát triển trong lòng văn hóa Trung Hoa, mở ra một thời kỳ rực rỡ trong lịch sử Phật học Đông Á.

Phần II. Duy thức tông tại Trung Hoa bị trù lên tinh thần Đạo gia

Trong Lão - Đạo, “Đạo” là bản thể nguyên sơ, bất động và sinh ra vạn vật: “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị...”. Trong Nho học, “Thái cực” là nguyên lý tuyệt đối, từ đó âm dương sinh khởi. Cả hai đều đặt nền trên bản thể luận: Có một thực tại nền tảng cố định làm gốc cho vạn pháp.

Ngược lại, trong Duy thức học nguyên thủy, tâm không phải là một thể bất động hay bản chất tối hậu. “Tâm” ở đây là sự phân tích của các nhà Duy thức trên dòng vận hành liên tục, không có thực thể độc lập mà chỉ là tập hợp các “hành”, các “thức” đang khởi lên và diệt đi trong từng sát-na. Cái gọi là “thức” không phải là “linh hồn” hay “ngã”, mà là tiến trình nhận thức gồm kiến phần (năng tri), tướng phần (sở tri), và tự chứng phần (khả năng tự biết chính mình). Điều này khớp với khái niệm “vô ngã”, không có một thực thể thường hằng trong tiến trình tâm lý.

Việc phân tích hành tướng tâm lý như vậy được xem như một cách để người học tự chiêm nghiệm rằng không có cái ý thức nào là mình cả, nó cứ sinh diệt liên tục, và cái đó không phải là tự tâm cố định của ta.

1. Không có thực tại tối hậu chỉ có sự chuyển hóa của tâm

Một điểm cực kỳ quan trọng. Duy thức không truy tìm một “chân như” nằm ngoài tâm, không tìm kiếm một “đạo thể” hay “thực tại bất biến”. Thay vào đó, Duy thức phân tích cách vọng tưởng sinh khởi, cách thức tâm tạo ra phân biệt, và làm sao để đoạn trừ vọng tưởng, khôi phục tuệ giác. Cái gọi là “Viên thành thật tính” không phải là một bản thể tuyệt đối, mà là sự vận hành nhận thức đúng đắn khi vọng tưởng không còn. Đây là điểm cực kỳ tinh tế, sự “chân thật” không nằm ở bản thể, mà nằm ở phương thức nhận biết không bị che mờ. Ví dụ, khi nhìn một sợi dây và tưởng là con rắn, vọng tưởng đã làm tâm tạo ra một “tướng phần” sai lầm. Khi nhận ra đó chỉ là sợi dây, “viên thành thật tính” hiện tiền, nhưng không có thực tại nào mới xuất hiện, chỉ là tâm đã nhận ra đúng bản chất vốn là.

2. Điểm khác biệt cốt lõi

Từ nhận thức học sang bản thể luận

Duy thức nguyên thủy Ấn Độ là hệ thống nhận thức học, tập trung phân tích tâm, tiến trình tri giác và cách khởi lên vọng tưởng. Duy thức phiên giải tại Trung Hoa, đặc biệt từ thời nhà Đường trở đi, lại có xu hướng:

Bản thể hóa A-lại-da thức: Xem như một “thể tàng” vĩnh viễn, gần giống “Đạo thể” sinh vạn vật.

Chân như hóa Viên thành thật tính: Hiểu như một thực tại bất biến, tuyệt đối, tương tự như “Đạo khả đạo phi thường Đạo”.

Thần bí hóa tự chứng phần: Gán cho nó năng lực như “linh tri”, “linh giác” vượt ngoài lý tính. Nói cách khác, Trung Hoa chuyển dịch Duy thức từ nhận thức luận sang bản thể luận, biến các quá trình nhận thức thành những “thể có thật” và tuyệt đối hóa chúng.

3. Ảnh hưởng của Đạo gia

Khái niệm “vô vi”

Duy thức nói về “vô vi pháp” như là các hiện tượng không do điều kiện sinh ra (hư không, niết-bàn...), nhưng Trung Hoa lại gán cho nó màu sắc Lão học. Trong Duy thức nguyên thủy, tức văn hệ Phạm ngữ gốc Ấn Độ, khái niệm được Hán dịch là “vô vi” có nguyên từ là *asaṃskṛta-dharma*

a-: phủ định

saṃskṛta: tạo tác, hình thành, cấu thành (do các duyên hợp lại)

dharma: pháp

Vậy *asaṃskṛta-dharma* có nghĩa đen là: “pháp không do tạo tác”, tức pháp không sinh diệt, không duyên khởi, không bị điều kiện hóa. Trong Duy thức, ba pháp vô vi được liệt kê rõ ràng là hư không (không gian thuần túy, không ngăn ngại), trạch diệt (sự diệt trừ các pháp có điều kiện do tuệ giác lựa chọn, gọi là chính trí đoạn trừ), phi trạch diệt (sự diệt do các pháp không còn điều kiện phát sinh, chứ không do trí đoạn). Như vậy, “vô vi” trong Duy thức nguyên thủy là khái niệm mang tính kỹ thuật, chỉ những hiện tượng không thuộc tiến trình nhận thức tâm lý (tức không phải thức khởi lên), không do nhân duyên tạo thành, và không mang nội hàm đạo đức hay huyền học như “vô vi” trong Đạo gia.

“Vô vi” trong Đạo gia: nghĩa là gì?

“Vô vi” (无为) là một trong những khái niệm trung tâm của triết học Lão Tử, xuất hiện nhiều trong Đạo Đức kinh. Nó không có nghĩa là “không làm gì”, mà mang nghĩa là “không làm theo ý chủ quan”, không can thiệp, không cưỡng cầu, không hành động nghịch với tự nhiên”. Tóm gọn, vô vi trong Đạo gia gồm: Thuận theo tự nhiên (thuận đạo nhi hành), Đạo vận hành không có chủ ý, không gắng sức: “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.”, không can thiệp. Người trị quốc lý tưởng là người hành xử theo “vô vi”, không áp đặt, không ép buộc: “Thánh nhân xử vô vi chi sự.”

Vô vi là một lý tưởng hành xử, một phương pháp sống, một nguyên tắc để đạt được hài hòa với Đạo, tức với trật tự tự nhiên vũ trụ. Nó mang tính siêu hình, huyền học, nhưng đồng thời ẩn chứa yếu tố đạo đức và chính trị (trị quốc, tu thân).

“Vô vi” được gán vào Phật học như thế nào?

Khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, các bản kinh, luận từ Phạn sang Hán gặp phải khó khăn trong việc diễn đạt các khái niệm thuần túy Ấn Độ bằng ngôn ngữ Trung Hoa. Đối với khái niệm asaṃskṛta-dharma (pháp không do duyên sinh), các dịch giả đã chọn từ “vô vi pháp” để thể hiện với mục đích ngắn gọn, lại gây ấn tượng mạnh. Vì vậy, dù “vô vi” là bản dịch từ Phạn ngữ, nhưng cách hiểu của người Trung Hoa đã vô tình (hoặc cố ý) gán cho nó ý vị Đạo gia, từ đó biến các pháp “không duyên sinh” của Phật giáo thành “thể tính vĩnh hằng”, gần giống Đạo thể.

Cách hiểu về “tàng” (dịch) cho A-lại-da

Thay vì hiểu là nền tảng tập khí mang tính vận hành, người Trung Hoa lại cảm thụ như “đạo tàng”, giống như Đạo sinh vạn vật, chứa đựng nguyên lý của trời đất.

Thiên hướng huyền học, Duy thức bị phối hợp với tư tưởng “huyền tịch”, “đại đạo vô hình”, dẫn đến việc thiền quán Duy thức bị chuyển thành một kiểu “định thần quy về bản thể”, thay vì quán sát sát-na của tâm và chuyển hóa nhận thức.

“Tàng” trong Duy thức gốc Ấn Độ được dịch là chứa, là ẩn dụ cho tiến trình, không phải thực thể. Trong văn cảnh Ấn Độ, ālaya (từ gốc của A lại da) không phải là một “cái kho” có hình hài hay bản thể, mà là một ẩn dụ cho tiến trình tâm lý có chức năng tích lũy và sinh khởi chủng tử.

A lại da theo tinh thần nguyên thủy không có “vật chứa” cụ thể, không phải “thể gốc” tạo ra vạn pháp, không có tính bản thể vĩnh hằng. Nói cách khác,

“tàng” chỉ là giả danh, giúp chỉ định cho một tiến trình liên tục và vô ngã, chứ không phải một “nền tảng thực hữu”. Nó giống như khi nói về “dòng” sông. Thì cái “dòng” đó, ta không thấy được, ta chỉ thấy nước, còn cái dòng là cái giả danh.

“Tàng” trong cách hiểu Trung Hoa bị bản thể hóa. Khi vào Trung Hoa, “tàng” được dịch thẳng là “kho chứa” một hình ảnh vật chất hóa và dần bị hiểu theo chiều hướng là bản thể sâu kín, tiềm ẩn, sinh ra mọi pháp, gần giống “Đạo thể” trong Lão học. Thậm chí, trong một số văn cảnh Thiên học, A-lại-da còn bị đồng hóa với “Phật tính” hay “bản tâm thanh tịnh”, điều không hề tồn tại trong nguyên lý Duy thức Ấn Độ.

Lời kết

Bài viết này chỉ đề cập đến một phần rất nhỏ trong việc so sánh giữa Duy thức nguyên thủy và Duy thức học đã được phiên giải trong bối cảnh văn hóa Trung Hoa. Dù có sự khác biệt trong cách diễn đạt, trong ảnh hưởng của triết lý bản thể và tín ngưỡng lãnh thổ, cốt lõi của Duy thức như một hệ thống phân tích tâm lý và nhận thức, hầu như không thay đổi.

Nếu ai muốn tìm hiểu sâu hơn, nên tiếp cận cả hai truyền thống: một bên là Duy thức nguyên thủy mang tinh thần phân tích nội tâm thuần túy của triết học Ấn Độ, một bên là Duy thức tông tại Đông Á với sắc thái văn hóa riêng biệt. Sự tiếp cận song song này sẽ giúp thấy rõ hơn chiều sâu, cũng như tính linh hoạt của tư tưởng Phật giáo trong quá trình lan truyền và hội nhập

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu tham khảo:

1. Duy Thức học, dịch giả: HT. Thích Thiện Hoa, Nxb Tôn Giáo, 2020.
2. Giảng luận và giải thích Luận Nhiếp Đại Thừa, Nhiếp Đại Thừa Luận Thích Luận, Thế Thân Bồ Tát tạo, Tùy Cấp Đa Cộng Hành Cử Đẳng dịch, Bản Việt dịch của Nguyễn Hồng.
3. Luận Thích Du Già Sư Địa, Tối Thắng Tử Đẳng tạo, Đường Huyền Tráng dịch, Bản Việt dịch của Thích Tâm Châu.